

Số: 124/BVTN-TMS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: **Thuê dịch vụ cung cấp đồ vải và giặt ủi năm 2026 – 2028**

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Thống Nhất có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuê dịch vụ cung cấp đồ vải và giặt ủi năm 2026 – 2028 chi tiết như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Thống Nhất.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Tổ Mua sắm, Đấu thầu và Quản lý Dự án.

- Email: tms@bvtn.org.vn

- Số điện thoại: 028 3869 0277 – 214, 771

- Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Gửi bản scan báo giá có chữ ký của người đại diện pháp luật và con dấu (nếu có) của đơn vị cung cấp báo giá; hoặc

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn phòng Tổ Mua sắm, Đấu thầu và Quản lý Dự án, Bệnh viện Thống Nhất, số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM.

Thời gian tiếp nhận: Từ 08h00 ngày 13/5/2026 đến trước 16h00 ngày 19/5/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 19/5/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục hàng hóa/dịch vụ: Chi tiết trong bảng mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật tại Phụ lục kèm theo.

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa:

- Giao hàng, lắp đặt đưa hàng hóa vào sử dụng tại Bệnh viện Thống Nhất, mọi chi phí vận chuyển, lắp đặt do nhà cung cấp chịu.

- Hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải thực hiện theo quy định của nhà sản xuất.



- Địa điểm nhận hàng hóa/dịch vụ: Tại nơi sử dụng, Bệnh viện Thống Nhất, số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM.

3. Thời gian giao hàng, hoàn thành hợp đồng: trong vòng 36 tháng từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán theo giá trị nghiệm thu từng tháng sau khi đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng. Thời gian thanh toán: trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhà thầu cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán quy định theo hợp đồng.

5. Các thông tin khác:

- Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp có thể liên hệ kiểm tra trực tiếp vị trí lắp đặt và làm rõ những nội dung về kỹ thuật trước khi chào giá.

- Đề nghị các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm Bảng báo giá theo hướng dẫn đã nêu tại Thông báo này.

Trân trọng cảm ơn././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TMS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quang Vinh

PHỤ LỤC

Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật gói thầu
Thuê dịch vụ cung cấp đồ vải và giặt ủi năm 2026 – 2028

1. Tên danh mục và số lượng:

1.1. Danh mục và số lượng giặt ủi:

STT	Tên dịch vụ	ĐVT	Số lượng (3 năm)	Kỹ thuật đóng gói
1	Đồ vải thông thường (đồ vải phục vụ bệnh nhân)	Kg	400.000	Phụ lục 01
2	Đồ vải phẫu thuật (đồ vải phục vụ phẫu thuật)	Kg	210.000	

1.2. Danh mục và số lượng thuê đồ vải:

STT	Tên dịch vụ	ĐVT	Tổng số lượng (3 năm)	Kỹ thuật đóng gói
A	Gói Thuê đồ vải	Kg	1.550.000	Phụ lục 01
I	Đồ vải thông thường			Phụ lục 01
1	Quần áo người bệnh			
2	Áo người thăm nuôi bệnh			
3	Drap trải giường			
4	Chăn, mền			
5	Màn các loại			
6	Ruột gối			
7	Vỏ áo gối			
8	Bao thun lớn			
9	Bao thun nhỏ			
10	Dây cố định người bệnh			
11	Các loại đồ vải khác... theo danh mục bệnh viện cung cấp			

II	Đồ vải phẫu thuật
1	Quần áo cho nhân viên vào phòng mổ (PTV)
2	Áo choàng lạnh
3	Áo chụp MRI-CT
4	Áo chụp nhũ ảnh
5	Áo siêu âm vú
6	Quần nội soi đại tràng
7	Quần siêu âm mạch máu
8	Săng có lỗ 40x40 cm
9	Săng có lỗ 60x60 cm (D=10cm)
10	Săng lỗ đặt sonde tiểu 90x90cm (D=10cm)
11	Săng mổ mắt có lỗ 60x60cm (D=6cm)
12	Amindan

Phụ lục 01:

1. Mục đích:

- Quy định thống nhất quy cách gấp, ủi và đóng gói đồ vải sau xử lý nhằm đảm bảo:
- + Đáp ứng yêu cầu kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- + Thuận tiện trong bảo quản, vận chuyển và cấp phát.
- + Đảm bảo tính thẩm mỹ, đồng bộ và dễ kiểm kê.

2. Yêu cầu chung:

- Đồ vải sai giặt được xem là “đồ sạch”, phải được xử lý trong khu vực sạch riêng biệt. Tất cả đồ vải sau khi giặt phải được sấy/ủi khô hoàn toàn, sạch, không ẩm mốc, không còn mùi lạ. Tuyệt đối không để đồ sạch tiếp xúc đồ bẩn hoặc môi trường nhiễm khuẩn.
- Đồ vải sau giặt không bị rách, sờn, biến dạng, không còn dị vật, không tồn dư hóa chất gây kích ứng.
- Đồ vải phải được phân loại theo từng nhóm, kích thước (size), chủng loại trước khi gấp.
- Quá trình gấp, đóng gói thực hiện tại khu vực sạch, đảm bảo điều kiện vệ sinh.
- Nhân viên thực hiện phải mang đầy đủ phương tiện phòng hộ theo quy định.

3. Quy cách đóng gói cụ thể theo từng loại đồ vải:

3.1. Drap (ga giường):

- Được ủi bằng máy ủi chuyên dụng.
- Bề mặt phẳng, không nhăn, không gấp nếp sai quy cách.
- Gấp máy theo tiêu chuẩn đồng nhất, đảm bảo:
 - + Kích thước sau gấp gọn gàng, dễ xếp chồng;
 - + Các mép vải thẳng hàng, không lệch.
- Xếp theo từng chồng cùng loại, cùng kích thước đảm bảo không đổ, không biến dạng.

3.2. Quần, áo nhân viên Phòng mổ, PTV và Người bệnh:

Được phân loại theo từng size riêng biệt trước khi gấp (S, M, L, XL hoặc theo quy định của Bệnh viện)

- Áo:
 - + Gấp riêng theo từng size;
 - + Gấp gọn, đồng nhất, cổ và thân áo ngay ngắn, không bị gập méo;
 - + Xếp theo từng chồng cùng size.
- Quần:
 - + Gấp riêng theo từng size;
 - + Đảm bảo thẳng ống, không xoắn vải, không lệch ly;
 - + Xếp theo từng chồng cùng size.

3.3. Săng và các loại sản phẩm đồ vải khác:

- Gấp gọn theo kích thước tiêu chuẩn
- Đóng gói theo định lượng: 10 cái / 1 cục (bó). Mỗi cục phải đảm bảo:
 - + Đồng đều về chủng loại và kích thước;
 - + Gấp cùng chiều, ngay ngắn, dễ kiểm đếm.
- Có thể sử dụng dây buộc hoặc bao gói phù hợp để cố định, không làm biến dạng sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và nhận diện:

- Mỗi đơn vị đóng gói (chồng/ cục/ bó) phải có thông tin nhận diện bao gồm:
 - + Tên loại đồ vải;
 - + Kích thước (nếu có);

- + Số lượng;
- + Ngày giặt ủi;
- + Đơn vị thực hiện.
- Bao gói đảm bảo:
- + Khu vực đóng gói sạch, khô ráo, thoáng mát, sản phẩm sau giặt không để sát tường hoặc nơi ẩm mốc;
- + Sạch, kín, tránh tái nhiễm;
- + Phù hợp vận chuyển nội bộ Bệnh viện.

5. Yêu cầu về kiểm tra và nghiệm thu:

- Đồ vải sau gấp và đóng gói phải được kiểm tra trước khi bàn giao.
- Tiêu chí kiểm tra bao gồm:
- + Độ sạch, khô;
- + Quy cách gấp đúng quy định;
- + Đúng số lượng và phân loại.
- Các sản phẩm không đạt yêu cầu phải được xử lý lại trước khi cung cấp.

2. Quy cách và thông số kỹ thuật đồ vải thuê:

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
I	Đồ vải thông thường	
1	Quần áo người bệnh - Quy cách: Áo pijama quần dây rút, may theo size. - Chất liệu: Kate ford. - Màu sắc: Xanh biển	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 162.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 366 ±2 + Ngang: 233 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 550 ±2 + Ngang: 546 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 31.0 ±2 + Ngang: 39.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65.0 ±2 + Cotton: 35.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.5 ±2 + Ngang: -0.2 ±2
2	Áo người thăm nuôi bệnh	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 153.0 ±2

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Áo cổ tròn, dài tay, qua gối. - Chất liệu: Kate ford. - Màu sắc: Vàng nhạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 398 ±2 + Ngang: 179 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 593 ±2 + Ngang: 595 ± 2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 66 ±2 + Ngang: 34 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65.0 ±2 + Cotton: 35.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.9 ±2 + Ngang: -0.9 ±2
3	<p>Dráp trải giường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 2.7m x 1.4m, 1 lớp, may cuốn 4 cạnh. - Chất liệu: Si - Màu sắc: Trắng. 	<ul style="list-style-type: none"> * Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 157.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 441 ±2 + Ngang: 193 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 856 ±2 + Ngang: 303 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 35.0 ±2 + Ngang: 36.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 64.0 ±2 + Cotton: 36.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.3 ±2 + Ngang: 0.0 ±2
4	<p>Chăn, mền</p> <p>Quy cách: 2m x 1.4m, dưới 1 kg.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Nỉ. - Màu sắc: Xanh. 	
5	Màn các loại	
6	Ruột gối	
7	<p>Vỏ áo gối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 0.7x0.45m, miệng bao bọc đầu. - Chất liệu: Kaki. - Màu sắc: Trắng. 	<ul style="list-style-type: none"> * Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 229.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 421 ±2 + Ngang: 212 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 874 ±2

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
		+ Ngang: 331 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 37.0 ±2 + Ngang: 47.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 78.0 ±2 + Cotton: 22.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -3.6 ± 2 + Ngang: 0.2 ±2
8	Bao thun lớn Quy cách: Dạng túi có đáy, miệng buộc dây, có nắp đáy, có móc khóa cố định tháo rời theo xe. KT: 90x130x130cm. - Chất liệu: Vải thun. - Màu sắc: Xanh than.	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 272.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Hàng vòng: 864 ±2 + Cột vòng: 299 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): Sợi Filament, không có xoắn - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 45.0 ±2 + Ngang: 115.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 95.0 ±2 + Spandex: 5.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.6 ±2 + Ngang: -2.7 ±2
9	Bao thun nhỏ - Quy cách: Dạng túi có đáy, miệng dây buộc. KT: 90x120x120cm. - Chất liệu: Vải thun. - Màu sắc: Xanh than.	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 272.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Hàng vòng: 864 ±2 + Cột vòng: 299 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): Sợi Filament, không có xoắn - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 45.0 ±2 + Ngang: 115.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 95.0 ±2 + Spandex: 5.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.6 ±2 + Ngang: -2.7 ±2
10	Dây cố định người bệnh Quy cách: 152cm x 10cm, may 2 lớp, may chân, khoét lỗ chữ nhật.	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 216.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 401 ±2

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Kaki Chéo 2/1 - Màu sắc: Xanh lá hoàn nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> + Ngang: 184 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 844 ±2 + Ngang: 915 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 60.0 ±2 + Ngang: 36.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65 ±2 + Cotton: 35 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.2 ±2 + Ngang: 0.0 ±2
11	Các loại đồ vải khác... theo danh mục bệnh viện cung cấp	
II	Đồ vải phẫu thuật	
1	<p>Quần áo cho nhân viên vào phòng mổ (PTV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Áo cổ tim, đắp chéo, ngắn tay, dài qua hông Quần dây rút - Chất liệu: Kate ford. - Màu sắc: Xanh cỏ vịt hoàn nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> * Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 208.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 414 ±2 + Ngang: 180 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 593 ±2 + Ngang: 620 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 65.0 ±2 + Ngang: 33.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 64.0 ±2 + Cotton: 36.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.9 ±2 + Ngang: -0.1 ±2
2	<p>Áo choàng lạnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Áo choàng mổ, cổ cao, dài tay, có bo thun, buộc dây. - Chất liệu: Kaki. - Màu sắc: Cà phê sữa. 	<ul style="list-style-type: none"> * Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 253.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 459 ±2 + Ngang: 241 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 858 ±2 + Ngang: 292 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 28.0 ±2 + Ngang: 44.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%):

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
		+ Polyester: 76.0 ± 2 + Cotton: 24.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.0 ± 2 + Ngang: -0.2 ± 2
3	Áo chụp MRI-CT - Quy cách: 125x60x50, thân sau ngang 62, dây cột 60, 2 bảng to, 2 bảng nhỏ. - Chất liệu: Kaki. - Màu sắc: Xanh bích	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 206.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 411 ± 2 + Ngang: 212 ± 2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 799 ± 2 + Ngang: 353 ± 2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 39.0 ± 2 + Ngang: 24.0 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 67.0 ± 2 + Cotton: 33.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.1 ± 2 + Ngang: -0.1 ± 2
4	Áo chụp nhũ ảnh Quy cách: 104x56x55x33, vòng cổ 48, lỗ ngang 38, dọc 18, 5 dây cột sau dài 40cm. - Chất liệu: Kaki. - Màu sắc: Xanh bích	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 206.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 411 ± 2 + Ngang: 212 ± 2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 799 ± 2 + Ngang: 353 ± 2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 39.0 ± 2 + Ngang: 24.0 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 67.0 ± 2 + Cotton: 33.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.1 ± 2 + Ngang: -0.1 ± 2
5	Áo siêu âm vú - Quy cách: Ngang 100cm, dài 80cm, áo dạng ống rút dây ở ngực. - Chất liệu: Kate ford. - Màu sắc: Hồng	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 167.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 285 ± 2 + Ngang: 270 ± 2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 865 ± 2 + Ngang: 848 ± 2

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 35.0 ±2 + Ngang: 32.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65.0 ±2 + Cotton: 35.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.4 ±2 + Ngang: -0.8 ±2
6	<p>Quần nội soi đại tràng Quy cách: Dài 80 x hông 32 x đùi 33 x ống 28, đk lỗ 16cm, có tấm đắp che, viền lai màu trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Kaki - Màu sắc: Xanh bích 	<ul style="list-style-type: none"> * Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 206.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 411 ±2 + Ngang: 212 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 799±2 + Ngang: 353 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 39.0 ±2 + Ngang: 24.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 67.0 ±2 + Cotton: 33.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.1 ±2 + Ngang: -0.1 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.0 ±2 + Ngang: -0.1 ±2
7	<p>Quần siêu âm mạch máu - Quy cách: Dài 60, hông 32, đùi ống 40, lưng dây rút, viền lai màu trắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Kate ford. - Màu sắc: Xanh cổ vịt hoàn nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> * Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 208.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 414 ±2 + Ngang: 180 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 593 ±2 + Ngang: 620 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 65.0 ±2 + Ngang: 33.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 64.0 ±2 + Cotton: 36.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.9 ±2 + Ngang: -0.1 ±2

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
8	<p>Săng có lỗ 40x40 cm - Quy cách: 0.4x0.4m, 2 lớp, đường kính lỗ 10cm. - Chất liệu: Kaki Chéo 2/1 - Màu sắc: Xanh lá (Xanh kết) hoàn nguyên</p>	<p>* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 216.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 401 ±2 + Ngang: 184 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 844 ±2 + Ngang: 915 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 60.0 ±2 + Ngang: 36.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65 ±2 + Cotton: 35 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.2 ±2 + Ngang: 0.0 ±2</p>
9	<p>Săng có lỗ 60x60 cm (D=10cm) - Quy cách: 0.6x0.6m, 2 lớp, đường kính lỗ 10cm. - Chất liệu: Kaki Chéo 2/1 - Màu sắc: Xanh lá (Xanh kết) hoàn nguyên</p>	<p>* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 216.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 401 ±2 + Ngang: 184 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 844 ±2 + Ngang: 915 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 60.0 ±2 + Ngang: 36.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65 ±2 + Cotton: 35 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.2 ±2 + Ngang: 0.0 ±2</p>
10	<p>Săng lỗ đặt sonde tiêu 90x90cm (D=10cm) - Quy cách: 0.9x0.9m, 2 lớp, đường kính lỗ 10cm. - Chất liệu: Kaki Chéo 2/1 - Màu sắc: Xanh lá (Xanh kết) hoàn nguyên</p>	<p>* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m²): 216.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 401 ±2 + Ngang: 184 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 844 ±2 + Ngang: 915 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 60.0 ±2 + Ngang: 36.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65 ±2</p>

STT	Danh mục – Quy Cách	Thông số Kỹ thuật
		+ Cotton: 35 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.2 ±2 + Ngang: 0.0 ±2
11	Săng mỗ mắt có lỗ 60x60cm (D=6cm) - Quy cách: 0.6x0.6m, 2 lớp, đường kính lỗ 6cm. - Chất liệu: Kaki Chéo 2/1 - Màu sắc: Xanh lá (Xanh két) hoàn nguyên.	* Thành phần: - Khối lượng vải (g/m ²): 216.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 401 ±2 + Ngang: 184 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 844 ±2 + Ngang: 915 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 60.0 ±2 + Ngang: 36.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65 ±2 + Cotton: 35 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.2 ±2 + Ngang: 0.0 ±2
12	Amindan	

3. Yêu cầu về kỹ thuật giặt:

3.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với đồ vải yêu cầu giặt:

STT	Dịch vụ	Yêu cầu
1	Giặt sấy và ủi đồ vải bệnh nhân	- Thực hiện đúng quy trình về quản lý đồ vải. Từ khâu phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý đến khâu bàn giao đồ vải sạch.
2	Thời gian giao nhận đồ vải	- Có nhân viên đến kiểm đếm và bàn giao số lượng đồ vải dư, thu gom đồ vải đúng ngày, giờ. - Thu gom từ thứ 2 đến sáng thứ 7 và khi cần, tần suất thu gom 1 lần/ngày - Thời gian: 5 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.
3	Quá trình bàn giao đồ vải	- Việc bàn giao đồ vải dư: Thực hiện đếm số lượng cái theo từng loại và đóng gói đồ vải dư tại khu nhà giặt của Bệnh viện, có ký xác nhận giữa Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và đại diện công ty.

		- Việc bàn giao đồ vải sạch: Thực hiện cân trực tiếp từng Danh mục (đồ ủi và không ủi) có giám sát của Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Phòng Tài chính kế toán và đại diện công ty
4	Sau khi thu gom đồ vải dơ	Tại khu vực tập kết đồ vải của Bệnh viện phải được thu dọn gọn gàng không để tồn đọng đồ vải quá 24 giờ.
5	Bảo quản, giữ gìn đồ vải	Giữ gìn, bảo quản đồ vải, giặt đồ vải theo quy trình phù hợp, không để xảy ra thất thoát. Nếu để thất thoát do yếu tố chủ quan Công ty phải bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp khách quan như đồ vải cũ, chất lượng vải không còn đảm bảo quy trình giặt nghiêm ngặt, Công ty phải bàn giao lại số lượng đồ vải trên để Bệnh viện kiểm soát số lượng.
6	Đảm bảo an toàn giao thông	Đảm bảo công tác an toàn giao thông khi xe ra vào khu vực bệnh viện và trong quá trình thu gom, không gây cản trở đến các phương tiện, hoạt động cấp cứu, khám chữa bệnh và các hoạt động khác của bệnh viện.

3.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với đồ vải thuê:

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp số lượng đồ vải theo yêu cầu về mẫu, chủng loại..., đáp ứng đủ phục vụ người bệnh và số ca phẫu thuật cho Chủ đầu tư.
- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư quy trình giặt là, danh mục hóa chất sử dụng trong giặt là và giấy xét nghiệm vi sinh 3 tháng 1 lần.
- Đăng ký số lượng nhân viên phương tiện ra vào bệnh viện khi có thay đổi thì phải báo trước 3 ngày làm việc để bên A cấp thẻ ra vào. Nhân viên đến làm việc tại bệnh viện phải được mặc đồng phục của công ty, trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ và thẻ do bệnh viện cung cấp.
- Tạo điều kiện để Chủ đầu tư tham quan, kiểm tra việc giặt đồ vải đảm bảo các quy định kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện khi có phát sinh sự cố nghiêm trọng liên quan đến đồ vải.
- Cùng với chủ đầu tư kiểm tra số lượng giao nhận hàng ngày, tổng hợp số lượng hàng tháng, hoàn thiện ký kết biên bản nghiệm thu hàng tháng và xuất hóa đơn đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hóa đơn xuất.
- Thu nhận, kiểm đếm số lượng đồ vải bẩn (theo từng chủng loại) của bệnh viện mỗi ngày tiến hành xử lý, giặt, là phân loại và đóng gói theo từng loại do hai bên thống nhất tại các phụ lục.
- Hàng tháng tổng hợp số lượng đồ vải hư hỏng cần thanh lý để bàn giao, hoặc xử lý theo đề nghị của chủ đầu tư.
- Nhà thầu giao đồ vải sạch cho chủ đầu tư tính theo quy ước do hai bên thống nhất và được tính ra (kg) nhưng vẫn đảm bảo đếm số lượng cái của từng mặt hàng để làm căn cứ tính tỷ lệ thừa thiếu giữa nhận hàng dơ và giao hàng sạch.

- Mỗi lần thu nhận hoặc giao trả hàng hóa, nhà thầu phải lập phiếu giao nhận và ký xác nhận về số lượng hàng với Chủ đầu tư, Phiếu giao nhận này được lập thành 03 liên, bên A giữ 02 liên, bên B giữ 01 liên làm cơ sở đối chiếu thanh toán vào cuối mỗi tháng.

3.3. Yêu cầu về thiết bị thực hiện chủ yếu:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Phương tiện Xe chuyên dụng thu gom và vận chuyển từ 3 – 5 tấn, có thùng kín, đảm bảo sạch.	02
2	Máy Giặt + Sấy và Ủ công nghiệp phải đảm bảo đủ công năng xử lý với số lượng theo yêu cầu	03
3	Dụng cụ, thiết bị lưu chứa, đóng gói đồ vải phải đảm bảo an toàn đủ số lượng cho việc đóng gói riêng đồ vải dơ và đồ vải sạch.	Số lượng theo nhu cầu thực tế

3.4. Yêu cầu về kỹ thuật giặt ủi và sấy theo từng danh mục chi tiết:

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật giặt ủi		
		Ủi	Không ủi	Tiêu chuẩn chất lượng đồ sạch
I	Đồ vải thông thường			
1	Quần áo người bệnh	✓		Đồ vải sạch, thơm; Không có vết bẩn nhìn thấy được; Khô; Không thủng rách; Quần áo các loại phải đủ khuy, dây buộc; Drap trải giường phải được giặt trắng ; Drap trải giường, áo gối và quần áo các loại được ủi (là) phẳng; có mùi thơm của nước xả vải chuyên dụng
2	Áo người thăm nuôi bệnh	✓		
3	Drap trải giường	✓		
4	Chăn, mền		✓	
5	Màn các loại		✓	
6	Ruột gối	✓		
7	Vỏ áo gối		✓	
8	Bao thun lớn	✓		
9	Bao thun nhỏ			
10	Dây cố định người bệnh		✓	
11	Các loại đồ vải khác... theo danh mục bệnh viện cung cấp			

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật giặt ủi		
		Ủi	Không ủi	Tiêu chuẩn chất lượng đồ sạch
II	Đồ vải phẫu thuật			Đồ vải sau khi giặt phải được lưu giữ bảo quản an toàn trong túi nilong hoặc túi vải sạch, kho sạch, xe sạch cho tới khi đưa đến nơi sử dụng; - Đồ vải sạch khi vận chuyển phải được gói kín và được vận chuyển bằng xe sạch .
1	Quần áo cho nhân viên vào phòng mổ		✓	
2	Áo choàng lạnh	✓		
3	Áo chụp MRI-CT		✓	
4	Áo chụp nhũ ảnh	✓		
5	Áo siêu âm vú	✓		
6	Quần nội soi đại tràng	✓		
7	Quần siêu âm mạch máu	✓		
8	Săng có lỗ 40x40 cm		✓	
9	Săng có lỗ 60x60 cm (D=10cm)		✓	
10	Săng lỗ đặt sonde tiêu 90x90cm (D=10cm)		✓	
11	Săng mổ mắt có lỗ 60x60cm (D=6cm)		✓	
12	Amindan		✓	

3.5. Yêu cầu về quy trình giặt (các danh mục trên gọi chung là Đồ vải):

- Nguyên tắc: Cơ sở giặt phải đảm bảo các quy trình quản lý và xử lý đồ vải; đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường và phòng ngừa lây nhiễm: Quy trình một chiều; có hệ thống xử lý nước thải; hệ thống chứa và xử lý nước cấp cho máy giặt (*nếu sử dụng khai thác nước ngầm*), nhân viên phải được đào tạo, thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn vệ sinh lao động.

- Phân loại đồ vải (Phân loại để giặt riêng).

- Đồ vải bẩn (đồ vải sau sử dụng không dính máu dịch chất thải cơ thể): phải bỏ vào túi vải thông thường, buộc chặt miệng túi.

- Đồ vải lây nhiễm (đồ vải dính máu dịch chất thải cơ thể, đồ vải trong phòng cách ly đa kháng): phải bỏ vào túi không thấm nước màu vàng. Buộc chặt miệng túi.

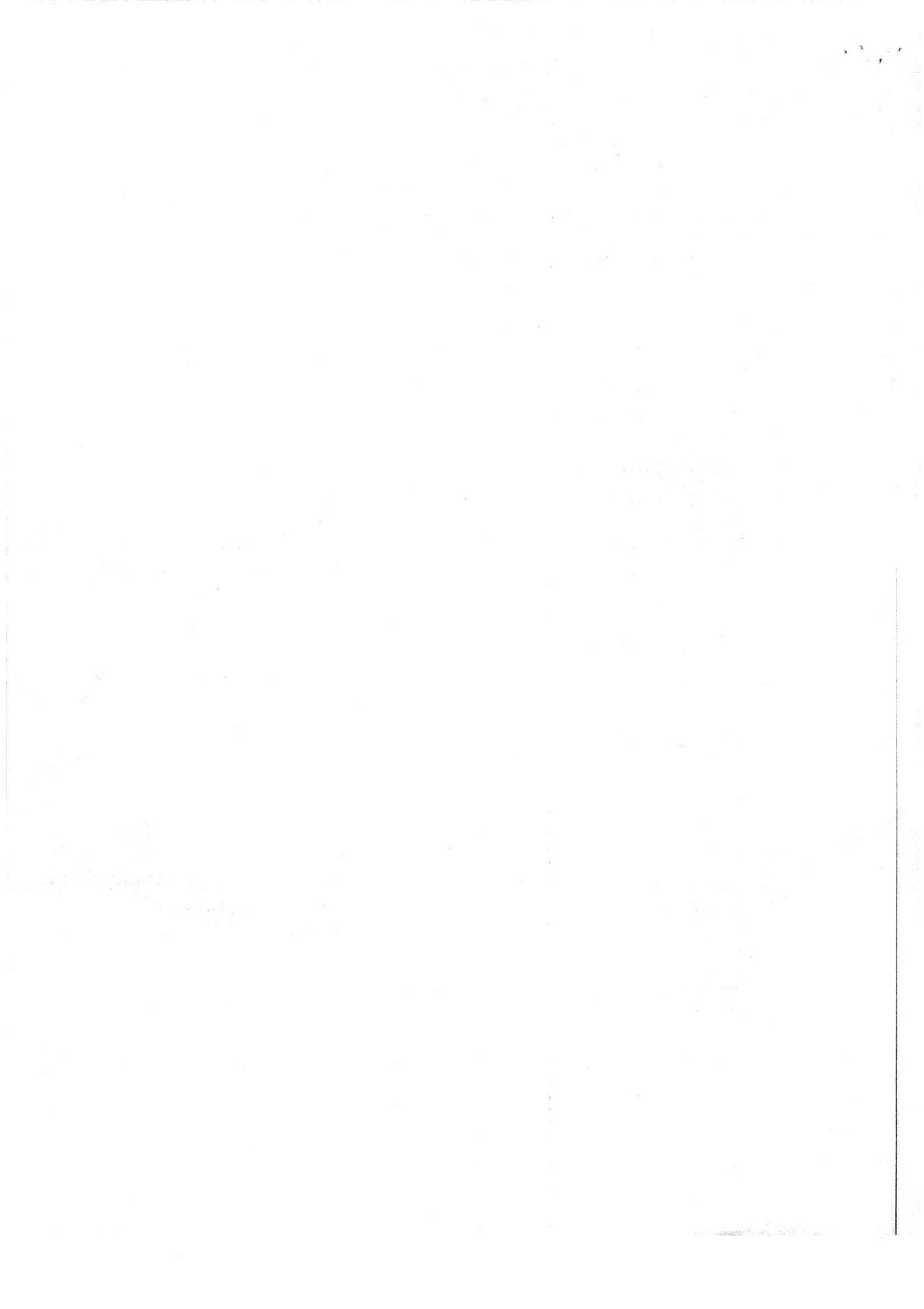
- Đồ vải có nguy cơ chứa vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm: phải bỏ vào 02 lần túi không thấm nước màu vàng, buộc chặt miệng túi, có ghi chú túi đồ vải có nguy cơ chứa vi sinh vật gây bệnh.

- Chu trình giặt: cho đồ vải, hóa chất (nếu cần), xà phòng chuyên dụng vào máy và giặt theo chương trình:

- + Phân loại theo chất liệu vải, đưa ra chương trình giặt phù hợp.
- + Chương trình giặt được chỉnh khác nhau theo mức độ nhiễm, chất liệu vải.
- + Đối với máy giặt chuyên dụng, có thể chỉnh chế độ giặt như sau:
 - Đồ vải bản : Chương trình giặt ngâm 15 phút, nhiệt độ thường, không dùng các loại hóa chất làm đổi màu đồ vải.
 - Đồ vải dính máu, dịch tiết chương trình giặt ngâm 30 phút, nhiệt độ 70 °C.
 - Đồ vải có nguy cơ chứa vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo quy định của Bộ y tế như: Covid-19, Bệnh truyền nhiễm nhóm A, B... thực hiện theo quy trình xử lý đồ vải theo chương trình ngâm 30 phút trong hóa chất Javel 0,25% (25ml/1000 ml nước), cloramine B 0,25% (25mg/1000 ml nước) hoặc peracetic acid 5%, Hydrogen peroxide H₂O₂ 30%, nhiệt độ giặt 70 °C, độ sấy 160 °C – 180 °C.
- + Sau khi kết thúc chu trình giặt, xả vải bằng nước xả thơm chuyên dụng và cho vào máy sấy khô đồ vải.
- + Ủ phẳng và gấp gọn, đóng túi/gói, riêng biệt theo từng loại khác nhau.
- * Lưu ý: Phân loại size số quần áo, các loại khác theo danh mục; ghi rõ số lượng cái, khối lượng kilôgam cho từng túi vải sạch và lưu giữ bảo quản an toàn và vận chuyển bằng xe sạch đến nơi giao nhận tại khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Thống Nhất.

4. Yêu cầu về kiểm tra, nghiệm thu:

- Hằng ngày phương tiện (xe) của nhà thầu đến khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn Bệnh viện Thống nhất tại cổng số 01 (cổng cấp cứu) của Bệnh viện địa chỉ 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM.
- Nhân viên khoa kiểm soát nhiễm khuẩn cùng đại diện nhà thầu sẽ thực hiện các công việc sau:
 - + Có mặt giữa các bên như: khoa KSNK, phòng Tài chính kế toán và đại diện nhà thầu, cùng chứng kiến thực hiện công tác kiểm tra chất lượng đồ vải sạch và cân trực tiếp đồ vải sạch tiến hành lập biên bản ký xác nhận bàn giao làm cơ sở ký nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc cuối tháng để thanh quyết toán theo quy định cho nhà thầu
 - + Có mặt các bên liên quan cùng thực hiện công tác kiểm đếm số lượng đồ vải bản và phân loại đồ vải bản theo đúng quy định bàn giao cho nhà thầu xử lý.
- Nhà thầu có trách nhiệm giặt sạch, đóng gói theo quy định trên và bàn giao hết số lượng đồ vải bản đã nhận, khi giao đồ vải sạch nếu chất lượng đồ vải không đạt yêu cầu nhà thầu phải giặt lại, trường hợp xảy ra sự cố hư hỏng đồ vải phải bồi thường cho Bệnh viện theo thỏa thuận giữa 02 bên.
- Các điều khoản, quy định khác để thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận giữa 02 bên theo đúng quy định.



MẪU BẢNG BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Thống Nhất

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Thống Nhất, chúng tôi (ghi tên, địa chỉ của Hãng sản xuất, Nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của từng thành viên liên danh) báo giá cho các hàng hóa/dịch vụ như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan (đối với gói thầu hàng hóa, nếu là gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn thì bỏ mục này):

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa	Đơn giá	Thành tiền	Ngày giao hàng	
							Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
1								
2								
...								

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá cho các dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ liên quan (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, nếu là gói thầu cung cấp hàng hóa thì bỏ mục này):

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không được nhỏ hơn số ngày quy định tại mục I.4 của Yêu cầu chào giá].

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa/dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))